

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NTSX-3.21.1-1 (Mẫu lặp)
7	Vị trí mẫu	Tại bể thu gom nước thải cuối cùng trước khi vào hệ thống xử lý của Công ty than Khánh Hòa
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'25,2" Vĩ độ: 21o36'41,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả		Đánh giá	
				NTSX-3.21.1-1 (Mẫu lặp)	NTSX-3.21.1-1	RPD (%)	Kết luận
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,8	0,0	Đạt
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	<2	<2	0,0	Đạt
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<15	<15	0,0	Đạt
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	8,1	7,9	2,5	Đạt
5	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0016	0,0018	11,8	Đạt
6	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	<0,002	0,0	Đạt
7	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	<0,001	0,0	Đạt
8	Cu	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0074	0,0085	13,8	Đạt
9	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,024	0,028	15,4	Đạt
10	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	<0,002	0,0	Đạt
11	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,17	0,18	5,7	Đạt
12	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023	mg/L	<0,05	<0,05	0,0	Đạt
13	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	<1,5	0,0	Đạt
14	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	8,8	8,8	0,0	Đạt
15	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	0,62	0,62	0,0	Đạt
16	Tổng Phenol	SMEWW 5530 B&C:2023	mg/L	<0,01	<0,01	0,0	Đạt
17	Tổng dầu khoáng(*)	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/L	<2,5	<2,5	0,0	Đạt
18	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	KPH	KPH	0,0	Đạt

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường



Nguyễn Thị Mỹ


Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- RPD: Phần trăm sai khác tương đối của mẫu lặp (đối với mẫu lặp hiện trường không vượt quá 20%; đối với mẫu đo lặp tại hiện trường không vượt quá 15%)

Số 491/2024 /OTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NTSH-3.21.1-1
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sinh hoạt của phân xưởng sửa chữa, thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'23,5" Vĩ độ: 21o36'44,8"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	5-9	5-9
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	<2	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<15	-	-
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	4,3	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
7	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	10,8	-	-
8	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	0,71	-	-
9	Tổng Phenol	SMEWW 5530 B&C:2023	mg/L	<0,01	-	-
10	Tổng dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/L	<2,5	10	20
11	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	4300	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường



Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Số 48112024

/OTTNMT-KQ

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-7
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực phân xưởng sửa chữa
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'16,8" Vĩ độ: 21o36'46,0"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	72	-
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm ³	<15000	40000
3	CO ₂ (*)	Thường quy bộ y tế	%	0,03	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<80	10000
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	<45	10000
6	Pb(*)	NIOSH 7300	µg/Nm ³	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trinh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Số 4811/2024 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-7
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực phân xưởng sửa chữa
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'16,8" Vĩ độ: 21o36'46,0"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Hơi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thuê phụ, nhà thuê phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Số 482.1/2024

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-8
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực Trạm chuyển hướng D1
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'29,0" Vĩ độ: 21o36'41,4"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Hơi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường



Nguyễn Thị Mỹ



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thuê phụ, nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Số 4821707.0

/OTTNMT-KO

OTTNMT-KO

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-9
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực Trạm chuyển hướng D2
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'47,1" Vĩ độ: 21o36'41,0"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	86	-
2	CO(*)	QTC-PT01	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	40000
3	CO ₂ (*)	Thông quy bộ y tế	%	0,07	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	10000
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	10000
6	Pb(*)	NIOSH 7300	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 1 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]

Trình Đức Cường



Nguyễn Thị Mỹ



chape

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Số 483.1/2024 /QTTNMT-KQ

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-9
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực Trạm chuyển hướng D2
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'47,1" Vĩ độ: 21o36'41,0"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Hơi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 484/2024

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-10
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực dân cư cách Trạm chuyển hướng D2 50m
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'47,3" Vĩ độ: 21o36'41,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	73	300
2	CO(*)	QTC-PT01	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	30000
3	CO ₂ (*)	Thường quy bộ y tế	%	0,08	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	200
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	350
6	Pb(*)	NIOSH 7300	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
 - Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
 - Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

Số 484.11/2024 /OTTNMT-KO

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-10
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực dân cư cách Trạm chuyển hướng D2 50m
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'47,3" Vĩ độ: 21o36'41,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Hoi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường



Nguyễn Thị Mỹ



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí